

きゅうしょく
【給食】

ベトナム語

【Bữa trưa ở trường】

Bữa trưa được trường chuẩn bị.

Nó được gọi là "給食 (bữa trưa ở trường)".

昼ごはんは、学校が作ります。
給食といいます。



Thời gian ăn trưa là 20 phút.

Mọi người đều ăn cùng một thực đơn.

Trẻ em uống sữa mỗi ngày.

Trẻ em sử dụng đũa, thìa và nĩa.

Trẻ em sử dụng một tấm lót bàn.

20分で食べます。
みんな同じものを食べます。
毎日、牛乳を飲みます。
はし・スプーン・フォークを使います。
ランチョンマットを使います。



● Nhiệm vụ ăn trưa ở trường 給食当番

Bữa trưa ở trường được phân phát bởi các em học sinh có nhiệm vụ ăn trưa.

Đây được gọi là "給食当番 (nhiệm vụ ăn trưa ở trường)".

Quần áo (áo khoác trắng) mà học sinh mặc khi trực ăn trưa được giặt sạch, ủi và mang đến trường.

Đồng phục trực trưa (áo khoác trắng) sẽ được dùng chung cho mọi người nên không cần phải mua.

●給食は、子どもが配ります。「給食当番」といいます。
給食当番の服(白衣)は、洗って、アイロンして、学校に持っていきます。
給食当番の服は、みんなで使います。買いません。



★ Nếu bạn bị dị ứng hoặc có hạn chế về tôn giáo, vui lòng tham khảo ý kiến nhà trường.

Điều này sẽ được giải thích tại buổi thông tin tuyển sinh được tổ chức tại trường.

★アレルギーのある人・宗教で食べないものがある人は、学校に相談してください。
学校の入学説明会で説明があります。



Đây là ảnh chụp bữa trưa ở trường tiểu học. (Từ trang web của Thành phố Higashikurume)

小学校の給食の写真です。(東久留米市のホームページより)